TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị H D và anh Y N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chiu;

2. Bà Lê Thị Hoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2024 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H D, sinh năm 1994, CCCD: 066194008865, địa chỉ: Buôn Ki, xã L, tỉnh Đắk Lắk, *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh Y N, sinh năm 1989, CCCD: 066089000913, địa chỉ: Buôn K, xã L, tỉnh Đắk Lắk, *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H D trình bày nội dung như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H D và anh Y N là vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/9/2011. Sau khi kết hôn hai người sống chung với nhau tại Buôn K, xã B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách hai người không hợp nhau, anh Y N không quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống gia đình, không chịu lao động và uống rượu bia say xỉn dẫn đến hai

người sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa nên chị H D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Y N.

- Về con chung: Chị H D xác định quá trình chung sống với anh Y N hai người có 02 con chung là H Ư, sinh ngày 11/06/2011 và H N, sinh ngày 04/10/2017, hiện nay con chung đang do chị H D chăm sóc, nuôi dưỡng, nay ly hôn thì chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến đủ tuổi thành niên. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng thì không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại địa phương chị thuộc trường hợp người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nhưng hiểu được, nói được và viết được tiếng Việt phổ thông nên không yêu cầu người phiên dịch và trợ giúp pháp lý.

* **Đối với bị đơn anh Y N:**

Quá trình giải quyết tranh chấp, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo và triệu tập hợp lệ cho anh Y N tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh Y N đều vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi gì về việc chị H D khởi kiện yêu cầu ly hôn, phiên tòa lần thứ hai vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

* Theo biên bản xác minh ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H D và anh Y N là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 5 năm trở lại đây, giữa vợ chồng chị H D và anh Y N xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi vả. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách chi tiêu trong gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên dòng họ và ban tự quản buôn hòa giải nhưng vợ chồng anh Y N và chị H D vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn.

Về con chung: Chị H D và anh Y N có 02 con chung là H Ư, sinh ngày 11/06/2011 và H N, sinh ngày 04/10/2017. Hiện tại các con chung phát triển bình thường và đang sống cùng với anh Y N và chị H D. Tuy nhiên anh Y N thường xuyên đi làm thuê ở xa, thỉnh thoảng mới về gia đình nên việc chăm sóc, nuôi dạy các con chủ yếu là chị H D.

Về thu nhập của chị H D và anh Y N: Chị H D hiện nay có nhà riêng và có 03 sào ruộng, hàng năm trồng lúa, thu nhập một năm khoảng 60 triệu đồng. Ngoài ra chị H D còn đi làm thuê có mức thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 05 đến 06 triệu đồng một tháng. Đối với anh Y N thì công việc chủ yếu làm thuê, mức thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 05 đến 06 triệu đồng/tháng.

* Theo căn cước công dân số 066089000913 cấp ngày 10/4/2021 xác định được anh Y N, sinh ngày 12/4/1989, nơi thường trú tại buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk phát biểu:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử (viết HĐXX), Thẩm phán và Thư ký: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, HĐXX, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về thời hạn xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự và gửi cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203; Điều 170 đến 175, Điều 177 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn và có nguyện vọng ly hôn. Bị đơn đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, không có ý kiến phản hồi gì, phiên tòa lần hai tiếp tục vắng mặt không có lý do, do đó đề nghị HĐXX áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và theo hướng chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung H Ư, sinh ngày 11/06/2011 và H N, sinh ngày 04/10/2017 cho chị H D có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị H D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Y N là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Y N đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo các văn bản và triệu tập tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng đều vắng mặt không có ý kiến phản hồi gì. Tại phiên tòa lần hai tiếp tục vắng mặt không có lý do, vi phạm quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng Dân sự, mặt khác chị H D cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX thực hiện việc xét xử vắng mặt anh Y N và chị H D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H D và anh Y N là vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/9/2011 là đúng thực tế vì quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn xuất trình và cung cấp giấy chứng nhận kết hôn bản chính do Ủy ban nhân dân xã B cấp, mặt khác chính quyền địa phương cũng xác nhận sự việc này tại biên bản xác minh ngày 12/3/2025. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống chung với nhau tại buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nhưng đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách hai người không hợp nhau, anh Y N không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con, không lo lao động mà uống rượu bia làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, do đó chị H D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Y N là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Quá trình giải quyết việc tranh chấp Tòa án đã phân tích, hòa giải để chị H D về đoàn tụ gia đình nhưng chị vẫn không thay đổi, kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn. Còn đối với anh Y N không tham gia tố tụng nhưng cũng không có ý kiến phản hồi gì về việc chị H D khởi kiện ly hôn và cũng không thể hiện thiện chí của sự níu kéo, động viên, khuyên bảo chị H D thay đổi, không tham gia tố tụng, vắng mặt tại các phiên tòa. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, chị H D và anh Y N vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị H D và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giải quyết cho chị H D ly hôn anh Y N.

[3.2] Về con chung: Chị H D xác định quá trình chung sống với anh Y N, hai người có 02 con chung tên H Ư, sinh ngày 11/06/2011 và H N, sinh ngày 04/10/2017 là có căn cứ vì chính quyền địa phương cũng đã xác nhận sự việc này tại biên bản xác minh ngày 12/3/2025 và những thông tin trên các tài liệu, chứng cứ mà đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án. Nay ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến đủ tuổi thành niên, HĐXX xét thấy quá trình giải quyết việc tranh chấp anh Y N không có ý kiến phản hồi gì, hiện tại con chung đang do chị H D chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác, chị H D là người có đủ năng lực trách nhiệm về dân sự, có khả năng lao động để tạo ra nguồn thu nhập, đảm bảo việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định và duy trì cuộc sống lâu dài của con chung, HĐXX quyết định giao con chung H Ư và H N cho chị H D có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tiền tạm ứng án phí và án phí: Chị H D là người nộp đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng thuộc trường hợp là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn

toàn bộ tiền tạm ứng án phí trước khi thụ lý vụ án và án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 228; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội.

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và 83 luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí của Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H D ly hôn anh Y N.

2. Về con chung: Chị H D và anh Y N có 02 con chung là H Ư, sinh ngày 11/06/2011 và H N, sinh ngày 04/10/2017.

- Giao con chung H Ư và H Nt cho chi H D có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Sau khi ly hôn anh Y N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị H D. Anh Y N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Chị H D thuộc trường hợp là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú và sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí trước khi thụ lý vụ án nên không xem xét.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7

và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 6 - Đắk Lắk;
- UBND xã Liên Sơn Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Cường